



Fujitsu ESPRIMO P700 E85+ Intel® Core™ i7 i7-2600 4 GB DDR3-SDRAM 512 GB SSD Windows 7 Professional Micro Tower Máy tính cá nhân Màu đen

Nhãn hiệu : Fujitsu

Họ sản phẩm: ESPRIMO

Mã sản phẩm:
LKN:P0700P0007FR

Tên mẫu : P700 E85+



Fujitsu ESPRIMO P700 E85+. Tốc độ bộ xử lý: 3,4 GHz, Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i7, Model vi xử lý: i7-2600. Bộ nhớ trong: 4 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR3-SDRAM, Tốc độ xung nhịp bộ nhớ: 1333 MHz. Tổng dung lượng lưu trữ: 512 GB, Phương tiện lưu trữ: SSD, Loại ổ đĩa quang: DVD Super Multi. Model card đồ họa on-board: Intel® HD Graphics 2000. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 7 Professional. Nguồn điện: 280 W. Loại khung: Micro Tower. Sản Phẩm: Máy tính cá nhân. Màu sắc sản phẩm: Màu đen

Bộ xử lý		Hiệu suất	
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Sản Phẩm *	Máy tính cá nhân
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i7	Phần mềm	
Thế hệ bộ xử lý	2nd gen Intel® Core™ i7	Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 7 Professional
Model vi xử lý *	i7-2600	Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Số lõi bộ xử lý	4	Lợi thế Doanh nghiệp Nhỏ của Intel (Intel® SBA)	✗
Các luồng của bộ xử lý	8	Intel® Wireless Display (Intel® WiDi)	✗
Tần số turbo tối đa	3,8 GHz	Kiến trúc Intel® 64	✓
Tốc độ bộ xử lý *	3,4 GHz	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Đầu cắm bộ xử lý	LGA 1155 (Socket H2)	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✓
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	8 MB	Công nghệ InTru™ 3D	✓
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache	Intel® Insider™	✓
Tốc độ bus hệ thống	5 GT/s	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Loại bus	DMI	Công nghệ Intel® Clear Video	✗
Phát hiện lỗi FSB Parity	✗	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	32 nm	Trạng thái Chờ	✓
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Dòng vi xử lý	Intel Core i7-2600 Desktop Series	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Tên mã bộ vi xử lý	Sandy Bridge	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✓
Công suất thoát nhiệt TDP	95 W	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Nhiệt độ CPU (Tcase)	72,6 °C	Công nghệ Giao diện hiển thị linh hoạt (FDI) của Intel®	✓
Phiên bản PCI Express	2.0	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
Số lượng tối đa đường PCI Express	16	Công nghệ Intel Fast Memory Access	✓
Số lượng bộ xử lý được cài đặt	1	Intel® Enhanced Halt State	✓
Chia bậc	D2	Intel® Demand Based Switching	✗
Tỷ lệ Bus/Nhân	34	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✗
Bộ nhớ trong tối đa được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	32 GB	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	37.5 x 37.5 mm
Loại bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	DDR3-SDRAM		
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	1066,1333 MHz		
Băng thông bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý (tối đa)	21 GB/s		
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✗		
Bộ nhớ			
Bộ nhớ trong *	4 GB		
Bộ nhớ trong tối đa *	32 GB		
Loại bộ nhớ trong	DDR3-SDRAM		

Bộ nhớ		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Bố cục bộ nhớ	1 x 4 GB	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX
Khe cắm bộ nhớ	4x DIMM	Mã của bộ xử lý	SR00B
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	1333 MHz	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Không ECC (Bộ nhớ không tự sửa lỗi)	✓	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Các kênh bộ nhớ	Kênh đôi	Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Dung lượng		Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Tổng dung lượng lưu trữ *	512 GB	Công nghệ Intel® Dual Display Capable	✓
Phương tiện lưu trữ *	SSD	Công nghệ Lưu trữ Nhanh của Intel®	✗
Loại ổ đĩa quang *	DVD Super Multi	ID ARK vi xử lý	52213
Dung lượng ổ cứng	2.5"	Công nghệ Phản hồi Thông minh của Intel®	✗
Dung lượng ổ cứng thể rắn (SSD)	512 GB	Công nghệ Khởi động Nhanh của Intel®	✗
Đồ họa		Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Card đồ họa on-board *	✓	Công nghệ Kết nối Thông minh của Intel	✗
Họ card đồ họa on-board	Intel® HD Graphics	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Model card đồ họa on-board *	Intel® HD Graphics 2000	Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	850 MHz	Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✗
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1350 MHz	Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Số hiển thị được hỗ trợ (đồ họa on-board)	2	Công nghệ Chống Trộm của Intel	✗
ID card đồ họa on-board	0x102	Vi xử lý không xung đột	✗
hệ thống mạng		Điện	
Kết nối mạng Ethernet / LAN *	✓	Nguồn điện *	280 W
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s	Điện thế đầu vào của nguồn điện	100 - 240 V
Công nghệ cáp	10/100/1000Base-T(X)	Tần số đầu vào của nguồn điện	50 - 60 Hz
Wake-on-LAN sẵn sàng	✓	Điều kiện hoạt động	
Cổng giao tiếp		Nhiệt độ cho phép khi vận hành (T-T)	10 - 35 °C
Số lượng cổng USB 2.0 *	14	Chứng nhận	
Số lượng cổng VGA (D-Sub)	1	Các loại giấy chứng nhận phù hợp	RoHS
Cổng DVI	✓	Tính bền vững	
Số lượng cổng DisplayPorts	1	Chứng chỉ bền vững	EPEAT Gold, NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Số lượng cổng PS/2	2	Trọng lượng & Kích thước	
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1	Chiều rộng *	175 mm
Giắc cắm micro	✓	Độ dày *	419 mm
Đầu ra tai nghe	1	Chiều cao *	395 mm
Đường dây ra	✓	Trọng lượng *	11 kg
Đường dây vào	✓	Chiều rộng của kiện hàng	278 mm
Số lượng cổng chuỗi	1	Chiều sâu của kiện hàng	562 mm
Khe cắm mở rộng		Chiều cao của kiện hàng	516 mm
PCI Express x1 khe cắm	1	Nội dung đóng gói	
PCI Express x4 khe cắm	1	Kèm chuột	✗
PCI Express x16 khe cắm	1	Kèm theo bàn phím	✗
Khe cắm PCI	1	Màn hình	
Thiết kế		Màn hình bao gồm *	✗
Loại khung *	Micro Tower	Các đặc điểm khác	
Sự sắp xếp được hỗ trợ	Theo chiều đứng	Số lượng ổ đĩa quang học	1
Số lượng khe 5.25"	4	Ổ đĩa cứng, mặt khẩu người dùng	✓
Số lượng khe 5.25"	2		
Khe cắm khóa cáp	✓		
Loại khe cắm khóa dây cáp	Kensington		
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen		
Hiệu suất			
Chipset bo mạch chủ	Intel® Q65 Express		
Hệ số hình dạng của bo mạch chủ	micro ATX		
Bảo vệ bằng mặt khẩu	BIOS		

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.